

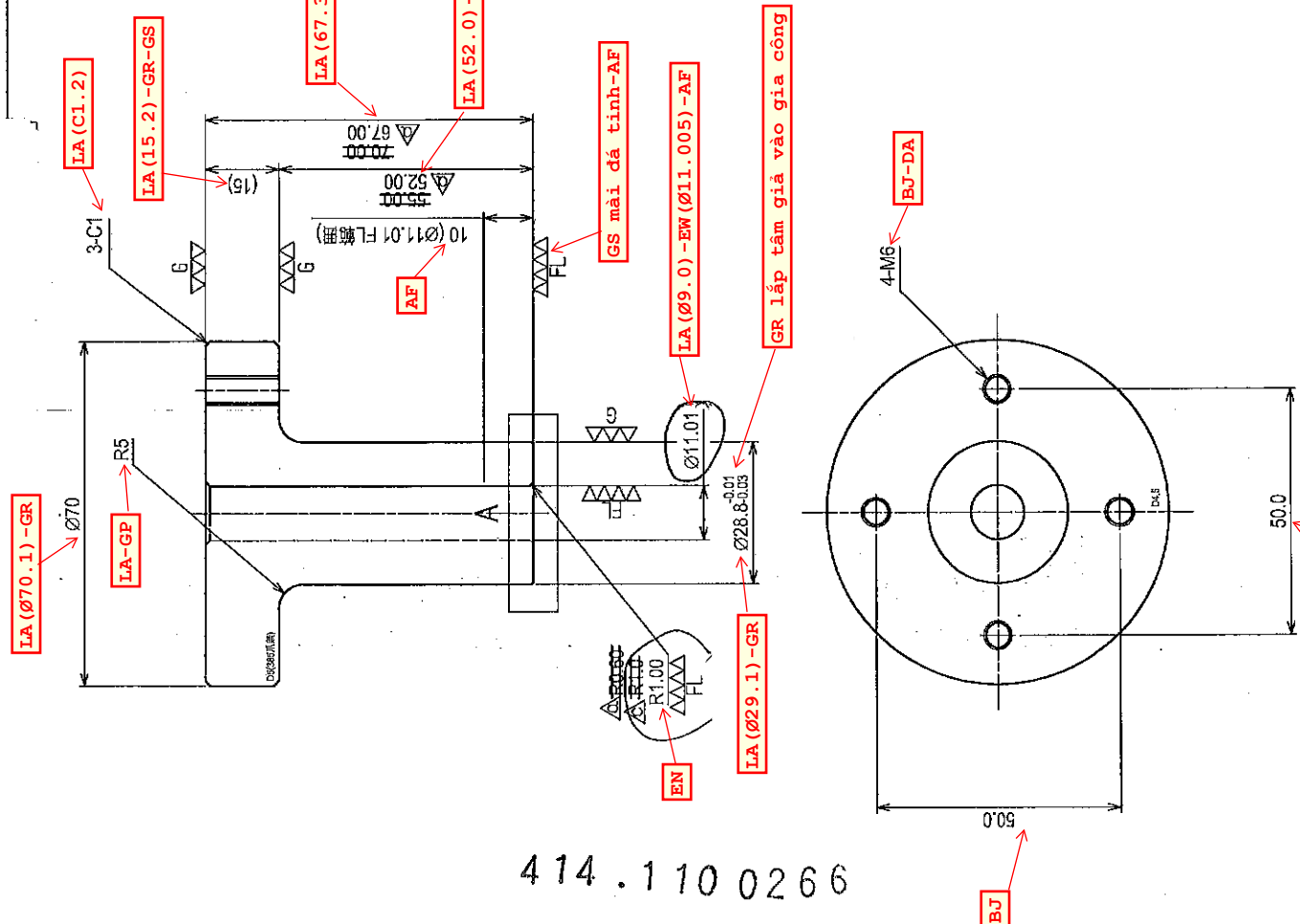
Thy 48952

2019.12.19

REF.	DATE	DESCRIPTION	REF. NO.	DRAWN	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
1	2015/03/30	新機設計		K. Kamakura	T. Yajima	0.0000 ±0.002
2	2020/05/07	与部品の手配、寸法修正		梁雪華	王煒	0.000 ±0.005
3	2020/08/07	寸法修正		梁雪華	王煒	0.00 ±0.01
4	2020/09/26	部品取外		梁雪華	山上	0.0 ±0.1
5						0.0 ±0.2
6						0.0 ±0.3

△ A (5:1)

△ B (50:1)



414.110.0266

DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
K. Kamakura	T. Yajima	部品図	ノックアウト
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING	KNOCK OUT
HRC 60 ° ~ 62 °		部品図	製出、脱模具
MATERIAL	DATE	SCALE	製出脱模具
SKD11	2015/11/30	1:1	DWG No.
			R028178

075 100

3

2

1

D

C

B

A

SNO: R028178

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 Ø70*72	LA:90 BJ:30 DA:20 HT:40 EW:120 GR:75 GS1:30 EN:75 GP:30 AF:20 KT